

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2017/HS-ST

Ngày 30/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC DƯƠNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Nhuận

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Hải Dương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017 tại Hội trường UBND xã Đa Sar, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:11/2017/TLST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:10/2017/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1984, tại T. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi đăng ký tạm trú : đường T, phường M, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 0/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1956 và bà Trịnh Thị G, sinh năm 1958; tiền án, tiền sự; không; bị bắt tạm giam ngày 25/7/2017 đến ngày 20/9/2017 được trả tự do. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại đường T, phường M, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông V, sinh năm: 1987; Nơi ĐKNKTT: đường A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: bà G, sinh năm 1958. Nơi ĐKNKTT: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi đăng ký tạm trú :đường V, phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 00 phút, ngày 05 tháng 7 năm 2017 Nguyễn Văn T mua 0,75 lít rượu một mình đi xe máy ra bờ hồ Xuân Hương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng ngồi uống rượu. Đến khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày, sau khi uống hết rượu thì T nảy sinh ý định vào chòi vườn nhà ông V ở Thôn 1, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng trộm cắp tài sản. T điều khiển xe máy BKS 36 H6-4874 từ bờ hồ Xuân Hương chạy vào chòi vườn nhà ông V (trước đây T có làm thuê cho ông V), khi tới gần chòi vườn, T để xe máy trên đường đi bộ xuống chòi, T thấy cửa phía trước chòi vườn khóa, T đi ra phía hông chòi thấy cửa hông mở phía trong không có ai. T đi vào và lấy 01 tivi hiệu TLC 17 Inch màn hình phẳng; 01 đầu thu tivi HDS 23 màu đen và mang lên chỗ để xe máy giấu ở bụi cây gần đó. Sau đó T tiếp tục đi xuống chòi và lấy thêm 01 bình bơm thuốc hiệu Mitsubishi loại 25 lít và 01 loa ống màu đen và 01 bao cước đem ra chỗ để xe máy bỏ đầu thu tivi và loa ống, tivi vào trong bao cước và để trên gác ba ga phía trước xe, còn bình bơm T khoác trên vai, T điều khiển xe máy chạy ra hướng thành phố Đà Lạt. Khi đi được khoảng 100m thì T gặp ông V đi xe máy ngược chiều chạy tới, T và ông V cùng dừng xe lại, ông V hỏi T chở bình bơm của ông đi đâu thì T trả lời “đã chắc gì là bình bơm của ông”. Ông V đi đến chỗ T và thấy bình bơm, ti vi, đầu thu ti vi và 01 loa ống để trong bao cước là của ông nên đã lấy lại tài sản mang về chòi để và báo Công an tới giải quyết.

Tại kết luận số 05/KL-HĐĐTSTTHS ngày 19/7/2017 “về việc xác định giá trị thiệt hại tài sản” của Hội đồng định giá tài sản thì số tài sản thành trộm cắp gồm 01 tivi hiệu TLC màn hình phẳng, màu đen, 17 inch; 01 loa ống màu đen hiệu 2GOOD, đường kính 19cm, cao 39cm; 01 đầu thu tivi hiệu VICElectronic, màu đen; 01 bình bơm thuốc hiệu Mitsubishi, bình bằng nhựa, dung tích 25 lít; những tài sản trên có giá trị tại thời điểm định giá là 6.153.330 đồng (sáu triệu một trăm năm mươi ba ngàn ba trăm ba mươi đồng).

Bản cáo trạng số 12/VKS-LD ngày 26/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đã khai báo ở Cơ quan điều tra như nội dung bản cáo trạng truy tố và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay như nội dung vụ án được tóm tắt ở trên; bị cáo không thắc mắc, khiếu nại gì nội dung bản cáo trạng, và không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Người bị hại ông V trình bày: Sau khi phát hiện T trộm cắp tài sản tại chòi vườn nhà ông, ông đã lấy lại tài sản đem về chòi để và báo Công an đến giải quyết; tại giai đoạn điều tra sau khi Cơ quan điều tra Công an huyện L thu giữ tài sản bị cáo lấy trộm của ông để điều tra, sau đó Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông tài sản đã thu giữ và ông đã nhận lại tài sản; tại phiên tòa hôm nay ông không khiếu nại, thắc mắc và không yêu cầu bị cáo bồi thường và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo

được hưởng án treo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà G trình bày: xe mô tô BKS 36H6-4874 màu xanh đen là của bà, bà không biết việc bị cáo lấy xe của bà để đi trộm cắp tài sản; tại phiên tòa hôm nay bà cũng không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa hôm nay Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng số 12/VKS-LD ngày 26/10/2017 và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm h,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60; khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 24 tháng. Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Về tang vật: Cơ quan điều tra đã giải quyết và trả cho người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định của pháp luật. Về án phí : Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn T; người bị hại V; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan G không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo trình bày đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật; bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn T khai vào khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 05 tháng 7 năm 2017 sau khi uống rượu ở bờ Hồ Xuân Hương, thành phố Đà Lạt, Nguyễn Văn T đi vào chòi vườn của ông V là chủ vườn trước đây T làm thuê, T lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu là ông V để tài sản tại chòi vườn không có người ở trông coi, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của ông V gồm: 01 tivi hiệu TLC 17 Inch màn hình phẳng; 01 đầu thu tivi HDS 23 màu đen; 01 bình bơm thuốc hiệu Mitsubishi loại 25 lít và 01 loa ống màu đen. Sau khi lấy được tài sản bị cáo chạy xe máy ra hướng Đà Lạt thì bị ông V là chủ sở hữu phát hiện. Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án; lời khai của người bị hại; người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã có đầy đủ các dấu hiệu cấu thành của tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

[3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điều 48 Bộ luật hình sự.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin cho bị cáo được hưởng án treo do vậy cũng cần áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

[5]. Về quyết định hình phạt : Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ bị cáo là người có sức khỏe nhưng lười lao động, bị cáo lợi dụng sơ hở của người khác để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhằm bán lấy tiền tiêu sài cho mục đích cá nhân của bị cáo, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thể hiện thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 25/7/2017 đến ngày 20/9/2017; bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú và gia đình bị cáo quản lý, giáo dục bị cáo cũng đã đủ tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện được tính khoan hồng của pháp luật.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, không có khả năng kinh tế nên miễn hình phạt bổ sung phạt tiền được quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[7]. Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm: 01 tivi hiệu TLC màn hình phẳng, màu đen, 17 inch; 01 loa ống màu đen hiệu 2GOOD, đường kính 19cm, cao 39cm; 01 đầu thu tivi hiệu VICelectronic, màu đen; 01 bình bơm thuốc hiệu Mitsubishi, bình bằng nhựa, dung tích 25 lít của ông V; 01 xe mô tô BKS 36H6-4874 màu xanh đen của bà G. Cơ quan điều tra Công an huyện L, tỉnh Lâm Đồng đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại tài sản cho chủ sở hữu theo đúng quy định tại Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9]. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 231; Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;
2. Căn cứ vào điều h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60; khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. *(Đã giải thích chế định án treo)*

- Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2, Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo : Căn cứ vào Điều 231; Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

